**Đặc tả của use case Tạo ghi chú kiểm tra hạn sử dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 7.1 |
| Use case name | Tạo ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn tạo ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng tạo ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Pre-conditions | * Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và vào được hệ thống * Các lô hàng cần kiểm tra hạn sử dụng có trong hệ thống |
| Post-conditions | * Ghi chú mới tạo được lưu trong hệ thống * Người dùng nắm bắt được số lượng và mặt hàng gần hết hạn sử dụng cần đổi trả với nhà cung cấp |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Hạn sử dụng” 2. Hệ thống hiển thị danh sách các lô hàng cần kiểm tra hạn sử dụng theo thứ tự ưu tiên kiểm tra 3. Người dùng chọn biểu tượng “+” 4. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã ghi chú, ngày tạo 5. Người dùng nhập nội dung ghi chú 6. Người dùng chọn “Hoàn thành” 7. Hệ thống lưu ghi chú |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | 7a. Nếu lưu thông tin không thành công thì hệ thống hiển thị thông báo “Lưu không thành công” và kết thúc. |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Sửa ghi chú kiểm tra hạn sử dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 7.2 |
| Use case name | Sửa ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn chỉnh sửa ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng sửa ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Pre-conditions | * Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và vào được hệ thống * Các ghi chú cần sửa có trong hệ thống |
| Post-conditions | * Ghi chú đã sửa được lưu trong hệ thống |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Hạn sử dụng” 2. Hệ thống hiển thị danh sách các lô hàng cần kiểm tra hạn sử dụng theo thứ tự ưu tiên kiểm tra 3. Người dùng vuốt mã lô hàng cần sửa sang phải 4. Người dùng chọn “Sửa” 5. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã ghi chú, ngày tạo 6. Người dùng sửa nội dung ghi chú 7. Người dùng chọn “Hoàn thành” 8. Hệ thống lưu ghi chú |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | 6a. Nếu không còn nhu cầu sửa ghi chú, người dùng chuyển qua bước 6 và chuyển tới bước 7  8a. Nếu lưu thông tin không thành công thì hệ thống hiển thị thông báo “Sửa không thành công” và kết thúc. |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Xoá ghi chú kiểm tra hạn sử dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 7.3 |
| Use case name | Xóa ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xoá ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng xoá ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Pre-conditions | * Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và vào được hệ thống * Các ghi chú cần xoá có trong hệ thống |
| Post-conditions | * Ghi chú được xoá khỏi hệ thống |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Hạn sử dụng” 2. Hệ thống hiển thị các ghi chú kiểm tra hạn sử dụng đã tạo 3. Người dùng vuốt ghi chú kiểm tra hạn sử dụng cần xóa sang phải 4. Người dùng chọn “Xóa” 5. Hệ thống hiển thị thông báo “Bạn muốn xoá ghi chú?” 6. Người dùng chọn “Xác nhận” 7. Hệ thống xoá ghi chú 8. Hệ thống hiển thị thông báo “Ghi chú đã được xoá.” |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | 4a. Nếu không còn nhu cầu xoá ghi chú, người dùng chọn “Không. Quay lại” và kết thúc.  8a. Nếu không thành công thì hệ thống hiển thị thông báo “Xoá không thành công” và kết thúc |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Xem ghi chú kiểm tra hạn sử dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 7.4 |
| Use case name | Xem ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xem ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng xem ghi chú kiểm tra hạn sử dụng |
| Pre-conditions | * Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và vào được hệ thống * Các ghi chú cần xem có trong hệ thống |
| Post-conditions | * Người dùng xem được thông tin trong ghi chú |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Hạn sử dụng” 2. Hệ thống hiển thị các ghi chú kiểm tra hạn sử dụng đã tạo 3. Người dùng chạm vào mã ghi chú cần xem 4. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã ghi chú, ngày tạo, nội dung ghi chú 5. Người dùng chọn “Hoàn thành” |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | N/A |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Thông báo kiểm tra hạn sử dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 7.5 |
| Use case name | Thông báo kiểm tra hạn sử dụng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn nhận thông báo kiểm tra hạn sử dụng |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Hệ thống hiển thị thông báo thông qua biểu tượng hình chuông trên ứng dụng |
| Pre-conditions | * Có các lô hàng cần kiểm tra hạn sử dụng trong ngày |
| Post-conditions | * Người dùng biết được các lô hàng cần kiểm tra hạn sử dụng để tiến hành kiểm tra |
| Main flow | 1. Hệ thống hiển thị màu đỏ cho biểu tượng hình chuông trên ứng dụng 2. Người dùng chạm vào biểu tượng chuông báo 3. Hệ thống hiển thị danh sách các thông báo kiểm tra hạn sử dụng của các lô hàng 4. Người dùng chạm vào dòng thông báo tương ứng 5. Hệ thống hiển thị danh sách các lô hàng cần kiểm tra: mã lô, hạn sử dụng của lô hàng, trạng thái kiểm tra |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | N/A |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Thay đổi lịch kiểm tra hàng tồn kho**

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 5.2 |
| Use case name | Thay đổi lịch kiểm tra hàng tồn kho. |
| Description | Là chủ tạp hoá, tôi muốn thay đổi lịch kiểm tra hàng tồn trong kho. |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Chủ tạp hoá chọn chức năng “thay đổi lịch kiểm tra hàng tồn”. |
| Pre-conditions | * Chủ tạp hoá nhận thông báo kiểm tra hàng tồn kho.. |
| Post-conditions | * Lịch kiểm tra hàng tồn kho được thay đổi. |
| Main flow | 1. Hiển thị thông báo 2. Mở hệ thống 3. Hiển thị trang đăng nhập vào hệ thống 4. Kiểm tra đăng nhập 5. Chọn “Thay đổi lịch kiểm tra” 6. Chọn ngày giờ hiện tại 7. Chọn lại năm cần dời theo dạng thanh cuộn 8. Chọn lại tháng cần dời theo dạng thanh cuộn 9. Chọn lại ngày cần dời theo dạng thanh cuộn 10. Chọn “Hoàn thành” 11. Lưu thông tin thay đổi |
| Alternative flows | 3a. Nhấn giữ biểu tượng dấu vân tay.  3a1.Chọn biểu tượng nhận diện khuôn mặt  3a2.Nhập mật khẩu. |
| Exception flows | 4a. Nếu không thành công, hệ thống hiển thị thông báo “Thông tin đăng nhập sai” và kết thúc.  11a. Nếu lưu thông tin thay đổi không thành công thì hệ thống hiển thị thông báo “Lưu không thành công” và kết thúc. |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Thống kê hàng tồn kho**

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 5.6 |
| Use case name | Thống kê hàng tồn kho. |
| Description | Là chủ tạp hoá, tôi muốn thống kê hàng tồn trong kho |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Chủ tạp hoá chọn chức năng “Thống kê hàng tồn kho”. |
| Pre-conditions |  |
| Post-conditions | * Chủ tạp hoá thống kê được số * Thông tin được lưu vào hệ thống. |
| Main flow | 1. Chọn “Xoá nhật ký” 2. Hiển thị thông tin nhật ký kiểm kho. 3. Hiển thị thông báo xác nhận xóa nhật ký kiểm kho. 4. Chọn “Xoá”. |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | 4a. Nếu xoá thông tin nhật ký không thành công thì hiển thị thông báo “Có lỗi xảy ra” và kết thúc. |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |